TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ R
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/3/2023
"*V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ R, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Nhạn
Bà Cao Thị Mỹ Phượng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Khắc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Mộng Đẹp - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 522/2022/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Bé T (Huỳnh Thị Phương T), sinh năm 1990
Địa chỉ: Ấp 9, xã Đ, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Anh Trần Trường Tr, sinh năm 1989
Địa chỉ: Ấp 9, xã Đ, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu

(chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Tr vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Bé T (tên gọi khác Huỳnh Thị Phương T)trình bày: Chị T và anh Trần Trường Tr chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/8/2011, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu. Anh chị có 01 con chung là cháu Trần Hoàng P, sinh ngày 26/5/2011. Trong thời gian chung sống vợ chồng, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh Tr thường xuyên uống rượu không chăm lo cho gia đình. Chị T và anh Tr cũng đã sống ly thân đến nay đã 10 năm. Do đó,

chị T nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh Tr không hạnh phúc, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Tr. Về con chung cháu Phục từ trước đến nay cháu sống với anh Tr nên khi ly hôn chị đồng ý giao con cho anh Tr tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Trường Tr đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên toà xét xử, nên Toà án không thể ghi nhận ý kiến của anh Tr.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi cho những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Từ khi thụ lý đến khi xét xử nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vắng không có lý do là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh Tr. Về con chung giao cháu Trần Hoàng Phục, sinh ngày 26/5/2011 cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tạ i phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị T và anh Tr tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/8/2011 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nay chị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tr và được nuôi con đây thuộc quan hệ *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn"*, anh Tr hiện đang cư trú

tại ấp 9, xã Đ, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã R theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị T là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Tr là bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và nguyên đơn.

[3] Về hôn nhân:

[3.1] Sau khi kết hôn hợp pháp, chị T và anh Tr sống với nhau hòa thuận một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do cả hai bất đồng quan điểm sống, anh Tr thường xuyên uống rượu không chăm lo đời sống vợ chồng, kinh tế gia đình. Do đó, giữa chị T và anh Tr đã sống ly thân 10 năm nay. Trong thời gian sống ly thân giữa chị và anh Tr không quan tâm đến đời sống của nhau. Nay chị T đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Tr.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án đã hòa giải để chị T và anh Tr đoàn tụ nhưng chị T cương quyết ly hôn vì nhận thấy không còn tình cảm, cả hai không còn quan tâm nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Còn anh Tr mặc dù đã được triệu tập hợp lệ để tham gia hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do, nên không thể ghi nhận ý kiến của anh Tr. Mặc khác, hôn nhân phải dựa trên cơ sở tình yêu thương của cả hai vợ chồng, nhưng chị T cương quyết xin ly hôn, giữa chị và anh Tr cũng sống ly thân thời gian dài, vì vậy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[4] Về con chung: Chị T và anh Tr có 01 con chung là cháu Trần Hoàng P, sinh ngày 26/5/2011, khi ly hôn chị T đồng ý giao cháu Phục cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng vì từ nhỏ đến nay cháu Phục sống với anh Tr. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ biên bản xác minh Trưởng ấp 9, xã Đ, thị xã R xác định hiện tại cháu Phục sống cùng anh Tr, được anh Tr cho đi học, cháu phát triển bình thường, đến thời điểm hiện tại chính quyền địa phương chưa ghi nhận về việc bạo hành trẽ em cũng như những vấn đề tiêu cực khác từ anh Tr đối với cháu P. Toà án tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu P, tuy nhiên không ghi nhận được do cháu đi học không có ở nhà. Hội đồng xét xử xét thấy, để tránh làm sáo trộn đời sống và sự phát triển tâm sinh lý của các cháu, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ giao cháu Trần Hoàng Phục cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không có căn cứ xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R là phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Bé T (Huỳnh Thị Phương T) được ly hôn với anh Trần Trường Tr.

2. Về con chung: Giao Trần Hoàng P, sinh ngày 26/5/2011 cho anh Trần Trường Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục; cháu Phục hiện tại đang sống với anh Tr nên được giữ nguyên.

2.1. Chị Huỳnh Bé T không phải cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu.

2.2 Chị Huỳnh Bé T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Bé T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc chị Huỳnh Bé T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị Huỳnh Bé T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai thu số: 0004571, ngày 12/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã R, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND cùng cấp;
- CCTHADS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thúy